

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 30/2018/DS-PT

Ngày 02-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Thẩm phán: Ông Lại Anh Vân.

Ông Bùi Đăng Huy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng ĐT.**

Địa chỉ trụ sở chính: 35 H V, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thượng M - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng ĐT - chi nhánh BHD là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 15/BIDV.BHD-QLRR ngày 11/01/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị B** - sinh năm 1976. Có mặt

Địa chỉ: Khu dân cư Ch Th, phường C H, thị xã Ch L, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-107 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hải Dương cấp đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/7/2013.

Ngày 09/2/2015 Ngân hàng ĐT - Chi nhánh BHD ký hợp đồng tín dụng số 36/2015/3478868/HĐTD-PGD H T cho bà Phạm Thị B vay số tiền 600.000.000đ mục đích vay để thanh toán tiền sửa nhà, đồng thời hai bên ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 36A/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 09/2/2015, tài sản gồm thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12, diện tích 369m² tại phường C H, thị xã Ch L, tỉnh Hải Dương, đã được UBND thị xã Ch L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/4/2011 mang tên bà Phạm Thị B. Hợp đồng thế chấp số 36B/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 09/2/2015, tài sản thế chấp gồm 01 xe ô tô biển kiểm soát 34A..., nhãn hiệu KIA, đăng ký xe do Phòng CSGT tỉnh H D cấp lần 2 ngày 06/3/2014 cho bà Phạm Thị B. Bà Phạm Thị B đã tất toán hợp đồng tín dụng trên và cùng ngày tất toán hợp đồng thì bà Phạm Thị B có giấy đề nghị vay vốn tại Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D. Ngày 28/5/2015 Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D đã ký hợp đồng tín dụng với bà Phạm Thị B số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD HT. Nội dung: Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D cho bà Phạm Thị B vay số tiền 2.800.000.000đ (Hai tỉ tám trăm triệu đồng), mục đích vay: Thanh toán tiền xây nhà ở; thời hạn vay 120 tháng, kể từ ngày 28/5/2015, lãi suất cho vay: 12%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/lần hoặc điều chỉnh đột xuất theo quy định của ĐT, lãi suất nợ quá hạn tối đa không quá 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra hợp đồng còn ghi thỏa thuận về việc giải ngân, trả nợ tiền gốc, lãi, phí, việc chuyển nợ quá hạn, thu hồi nợ trước hạn, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Tài sản thế chấp: Theo hợp đồng tín dụng có nội dung thế chấp tài sản gồm 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 34A... theo hợp đồng thế chấp số 36B/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 09/2/2015. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 156/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 28/5/2015, nội dung bà B thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 282, tờ bản đồ 12, diện tích 369m² đất ở và quyền sử dụng đất tại thửa 177, tờ bản đồ số 12, diện tích 533m² đất ở, đều có địa chỉ tại khu dân cư Ch Th, phường C H, thị xã Ch L, đã được UBND thị xã CH L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị B. Cả hai thửa đất đều có nhà 02 tầng diện tích 346,96m². Các hợp đồng thế chấp đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ theo quy định.

Ngày 27/5/2016 bà B đã trả nợ gốc số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Số dư nợ gốc còn lại 2.700.000.000đ (Hai tỉ bảy trăm triệu đồng).

Ngày 25/10/2016 bà B có giấy đề nghị thay đổi tài sản bảo đảm do đó giữa bà B và Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D ký văn bản số 01/2016/3478868/PL-HĐTD và văn bản số 01/2016/3478868/SĐBS sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp số 156, ngày 28/5/2015, nội dung: Thay đổi tài sản thế chấp là thửa đất số 282, tờ bản đồ số 12, diện tích 369m² đất ở, tại phường CH, thị xã ChL, tỉnh Hải Dương bằng tài sản là sổ tiết kiệm mệnh giá 1.400.000.000đ (Một tỉ bốn trăm triệu đồng), kỳ hạn 01 tháng do ĐT phát hành. Ngoài ra vẫn thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa số 177, tờ bản đồ số 12, diện tích 533m² và 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 34A-....

Ngày 07/11/2016 bà B có văn bản đề nghị rút bớt và thay thế tài sản bảo đảm nên giữa bà B và Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D ký hợp đồng thế chấp số 351/2016/3478868/HĐBĐ-PGD HT với nội dung: Tài sản thế chấp là thửa đất số 364, tờ bản đồ số 12, diện tích 161m², tại phường CH, thị xã Ch L, tỉnh Hải Dương và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 156 ngày 28/5/2015. Ngày 08/11/2016 bà B và Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D ký văn bản số 02/2016/3478868/PL-HĐTD sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD H T, ngày 28/5/2015, nội dung: Bà B vẫn thế chấp các tài sản ghi trong hợp đồng thế chấp số 156 ngày 28/5/2015 gồm xe ô tô nhãn hiệu KIA và tài sản thế chấp ghi trong hợp đồng thế chấp số 351/2016/3478868/HĐBĐ-PGD H T ngày 07/11/2016 và số dư nợ của bà B tại Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D là 1.900.000.000đ (Một tỉ chín trăm triệu đồng). Kể từ ngày 14/6/2017 bà B không trả tiền lãi nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và chuyển thành nợ quá hạn. Ngân hàng đã có thông báo lần 1 ngày 20/7/2017 và thông báo lần 2 ngày 25/7/2017 yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng bà B không thanh toán.

Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị B phải trả số tiền nợ gốc là 1.900.000.000đ, tiền lãi tính hết ngày 23/3/2018 là 177.333.333đ. Tổng là 2.077.333.333đ và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp bà B không thanh toán khoản tiền còn nợ trên đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, nếu số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì bà B vẫn có nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu.

Bà Phạm Thị B nhất trí nợ gốc và lãi như Ngân hàng yêu cầu, ngoài ra bà B yêu cầu Ngân hàng phát mại tài sản thế chấp theo giá giữa bà và Ngân hàng thỏa

thuận. Bà B cho rằng việc Ngân hàng sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, biển số 34A-... là tài sản bảo đảm của hợp đồng tín dụng ký ngày 09/2/2015 đã tắt toán để bảo đảm cho khoản vay của hợp đồng số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD H T ngày 28/5/2015 nên đề nghị Ngân hàng phải trả lại cho bà Bình giấy đăng ký xe ô tô nhãn hiệu KIA.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06-6-2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, do Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử và quyết định: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 293, 295, 298, 306, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự, Điều 26, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Luật thi hành án dân sự, Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐT

Buộc bà Phạm Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng ĐT số tiền 1.900.000.000đ tiền gốc, tiền lãi quá hạn là 225.334.722đ. Tổng cộng 2.125.344.722đ. (tính đến hết ngày 06/6/2018).

Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị B không trả số tiền trên cho Ngân hàng ĐT thì Ngân hàng ĐT có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa 177, tờ bản đồ số 12, diện tích 533m² và thửa số 364, tờ bản đồ số 12, diện tích 161m² tại phường C H, thị xã Ch L, tỉnh Hải Dương đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị B, trên 02 thửa đất có nhà hai tầng rộng 345,96m², 01 xe ô tô biển số 34A... nhãn hiệu KIA, số máy G4HE9656141, số khung KNABM514BAT878736 màu vàng đã thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số 36B/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 09/2/2015, số công chứng 423, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 156/2015/3478868/HĐBĐ-PGD H T, ngày 28/5/2015, số công chứng 1624, quyền số 03/2015TP/CC-HĐGD; Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 156/2015/3478868/HĐBĐ-PGD H T, ngày 25/10/2016, số công chứng 3871, quyền số 05/2016TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 351/2016/3478868/HĐBĐ-PGD H T ngày 07/11/2016, số công chứng 4072, quyền số 05/2016TP/CC-SCC/HĐGD. Toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sau khi trừ đi các chi phí

theo quy định của pháp luật được dùng để thanh toán nợ cho Ngân hàng ĐT. Nếu số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Phạm Thị B vẫn có nghĩa vụ trả hết số tiền còn lại cho Ngân hàng ĐT cho đến khi hết các khoản nợ. Nếu số tiền phát mại còn thừa bà Phạm Thị B sẽ được thanh toán trả lại.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất chậm trả.

Ngày 28/6/2018 bà Phạm Thị B có đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà B vì: Bà B có đơn đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất nhưng phải thanh lý tài sản với giá do bà B đưa ra theo biên bản định giá ban đầu khi làm hồ sơ vay vốn (hơn 4 tỉ đồng), Ngân hàng không nhất trí và hai bên thống nhất mời tổ chức thẩm định giá độc lập để xác định giá trị tài sản thế chấp. Khi có kết quả thẩm định giá, bà Bình không nhất trí và không bàn giao tài sản, không hợp tác, không ký bất cứ biên bản gì nên Ngân hàng không thể thực hiện việc phát mại tài sản. Đối với chiếc xe ô tô chính bà B là người làm đơn đề nghị đưa vào tài sản thế chấp (đơn ngày 27/5/2015), trong hợp đồng tín dụng và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp cũng ghi rõ các tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 34A-071.12 và các tài sản khác. Các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và mỗi bên đều được giữ bản gốc theo quy định. Do vậy đây là những tài sản thế chấp hợp pháp. Về số tiền lãi được tính theo thỏa thuận trong hợp đồng về mức lãi suất, mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng Ngân hàng vẫn tính lãi như lãi suất trong hạn là 12% chứ không tính mức lãi suất quá hạn.

Người kháng cáo bà Phạm Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị không chấp nhận số tiền lãi 225.334.722 đ. Lý do: Ngày 10/8/2017 bà B tự nguyện trả lại tài sản thế chấp cho ngân hàng xử lý vì không có khả năng thanh toán nhưng ngân hàng không xác định giá trị tài sản như biên bản định giá ban đầu hoặc không thỏa thuận về giá với bà B với giá trị tài sản thế chấp là hơn 4 tỉ đồng nên bà Bình không đồng ý giao nhà cho Ngân hàng. Ngân hàng ký hợp đồng nhưng không đưa cho bà Bình bản gốc có công chứng.

Tại hợp đồng tín dụng số 156 ngày 28/5/2015 có ghi thế chấp là ô tô theo hợp đồng 36B/2015/3478868 ngày 09/2/2015, không viết biển số xe, giá trị xe, không

ghi rõ thời gian thế chấp là bao lâu. Chiếc xe ô tô đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hợp đồng tín dụng ngày 09/2/2015 hợp đồng này đã được tất toán nhưng Ngân hàng không trả giấy tờ xe để giải chấp mà lại sử dụng là tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng ký ngày 28.5.2015. Do vậy đây không phải là tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư Ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị B gửi đơn kháng cáo trong thời gian luật định nên việc kháng cáo của bà B là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Phạm Thị B kháng cáo bản án và được HĐXX làm rõ từng nội dung kháng cáo cụ thể. HĐXX xét thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo về số tiền lãi là 225.334.722đ và việc Ngân hàng không thực hiện phát mại tài sản thế chấp khi bà B yêu cầu. Bà Phạm Thị B thừa nhận còn nợ Ngân hàng ĐT số tiền gốc 1.900.000.000đ. Ngày 10/8/2017 bà B có đơn đề nghị ngân hàng xử lý phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ và được ngân hàng chấp thuận, mời tổ chức thẩm định giá độc lập để xác định giá trị tài sản, khi có kết quả thẩm định giá bà Bình không nhất trí và không trả lại bản gốc chứng thư thẩm định giá, mặc dù Ngân hàng nhiều lần làm việc với bà B nhưng bà B không giao tài sản. Bà B chỉ đề nghị phát mại với giá mà Ngân hàng và bà Bình đã thỏa thuận ban đầu khi định giá lập hồ sơ cho vay là không phù hợp. Theo quy định tại Điều 299 và 301 của Bộ luật dân sự thì đây là nghĩa vụ của người đang quản lý tài sản bảo đảm nhưng bà B lại không thực hiện nghĩa vụ này, không giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để xử lý theo quy định. Như vậy, việc không phát mại được tài sản thế chấp để bán thu hồi nợ là do lỗi của bà B nên nội dung kháng cáo này không có căn cứ chấp nhận và bà B vẫn phải chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký giữa các bên. Cụ thể tiền lãi được tính như sau: Theo hợp đồng tín dụng số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD HT ngày 28/5/2015 lãi suất cho vay là 12%/năm. Bà B đã trả lãi cho ngân hàng đến hết ngày 13/6/2017. Từ ngày 14/6/2017 đến hết ngày 31/5/2018 bà B chưa trả lãi cho ngân hàng, số ngày tính lãi là 351 ngày, thành tiền là: 1.900.000.000đ x 351 x 12%/360

= 222.300.000đ. Từ ngày 01/6/2018 Ngân hàng thực hiện điều chỉnh lãi suất theo Quyết định số 131/QĐ-BIDV.BHD ngày 15/3/2018 và tính đến ngày 06/6/2018 có số ngày tính lãi là 05 ngày, thành tiền là: $1.900.000.000 \times 5 \times 11,5\% / 360 = 3.034.722\text{đ}$. Tổng **225.334.722đ**. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã tính số tiền lãi là đúng quy định của pháp luật và nội dung kháng cáo của bà B về lãi suất là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo về việc không chấp nhận tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 34A-.... HĐXX xét thấy: Tại hợp đồng số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD H T ngày 28/5/2015 có ghi thế chấp tài sản là chiếc ô tô theo hợp đồng 36B/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT ngày 09/2/2015. Hợp đồng thế chấp chiếc xe ô tô trên được ký ngày 09/2/2015 để vay vốn nhưng hợp đồng tín dụng đó đã được tắt toán xong tại khoản 2 Điều 2 của hợp đồng thế chấp ghi rõ "*Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 1 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đã, đang và sẽ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên thế chấp trong giới hạn số tiền tối đa bằng giá trị tài sản thế chấp theo quy định của Điều 1 Hợp đồng này....*". Hơn nữa, tại hợp đồng tín dụng số 165/2015/3478868/HĐTD-PGD H T, ngày 28/5/2015 được ký giữa Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D với bà Phạm Thị B và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng sau đó đều thể hiện nội dung bà Phạm Thị B thế chấp 01 xe ô tô biển số 34A..... nhãn hiệu KIA để làm tài sản bảo đảm cho khoản vay 2.800.000.000đ, ngay trong đơn đề nghị vay vốn ngày 27/5/2015 bà B cũng đề nghị thế chấp chiếc xe ô tô trên. Các hợp đồng thế chấp đều được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm hợp pháp. Như vậy việc bà B thế chấp chiếc xe ô tô biển số 34A-071.12 để vay tiền ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện. Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D căn cứ các quy định của ngân hàng, quy định của pháp luật chấp nhận đơn yêu cầu vay vốn, thế chấp tài sản của bà B để nhận chiếc xe ô tô biển số 34A... theo hợp đồng thế chấp số 36B/2015/2478868/HĐBĐ-PGD HT ngày 09/02/2015 là tài sản bảo đảm cho khoản vay 2.800.000.000đ ngày 28/5/2015, thời gian bảo đảm cho đến khi tắt toán xong khoản vay trên. Các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đều được các bên tự nguyện ký kết, được công chứng và mỗi bên được giao một bản gốc theo quy định. Bà B không xuất trình được chứng cứ chứng minh nội dung kháng cáo của mình là có căn cứ. Do vậy, nội dung kháng cáo của bà B không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị B. Bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh đã xét xử là đúng quy định của pháp luật nên cần giữ nguyên bản án, theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà B không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[4] Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 293, 295, 298, 306, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Luật thi hành án dân sự, Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐT - Chi nhánh B H D. Buộc bà Phạm Thị B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng ĐT số tiền 1.900.000.000đ tiền gốc, tiền lãi quá hạn là 225.334.722đ. Tổng cộng **2.125.344.722đ**. (Hai tỉ một trăm hai mươi lăm triệu ba trăm bốn bốn nghìn bảy trăm hai mươi hai đồng) (tính đến hết ngày 06/6/2018).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm bà Phạm Thị B còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng ĐT khoản tiền lãi quá hạn của khoản tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 156/2015/3478868/HĐTD-PGD HT, ngày 28/5/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 156 ngày 28/5/2015 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Lãi suất mà bà Phạm Thị B tiếp tục trả cho Ngân hàng ĐT sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng ĐT

Đối với tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 225.334.722 đ. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, Ngân hàng ĐT có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà

Phạm Thị B không trả nợ thì phải trả lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả xác định theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Phạm Thị B không trả số tiền trên cho Ngân hàng ĐT thì Ngân hàng ĐT có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa 177, tờ bản đồ số 12, diện tích 533m² và thửa số 364, tờ bản đồ số 12, diện tích 161m² tại phường CH, thị xã Ch L, tỉnh Hải Dương đều có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị B, trên 02 thửa đất có nhà hai tầng rộng 345,96m², 01 xe ô tô biển số 34A..., nhãn hiệu KIA, số máy G4HE9656141, số khung KNABM514BAT878736 màu vàng, theo hợp đồng thế chấp số 36B/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 09/2/2015, số công chứng 423, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 156/2015/3478868/HĐBĐ-PGD HT, ngày 28/5/2015, số công chứng 1624, quyền số 03/2015TP/CC-HĐGD; Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 156/2015/3478868/HĐBĐ-PGD H T, ngày 25/10/2016, số công chứng 3871, quyền số 05/2016TP/CC-SCC/HĐGD; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 351/2016/3478868/HĐBĐ-PGD HT ngày 07/11/2016, số công chứng 4072, quyền số 05/2016TP/CC-SCC/HĐGD.

Nếu số tiền phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì bà Phạm Thị B vẫn có nghĩa vụ trả hết số tiền còn lại cho Ngân hàng ĐT cho đến khi hết các khoản nợ.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 74.506.694đ (Bảy mươi tư triệu năm trăm linh sáu nghìn sáu trăm chín tư đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000878 ngày 29/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Hoàn trả Ngân hàng ĐT số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 36.330.000đ (Ba mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2016/0000371 ngày 15/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

4. Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 02/10/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã Chí Linh;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân